TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2025/HS - ST Ngày: 05- 8- 2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoản

Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Tăng Thành L , sinh năm 1992 tại tỉnh Sóc Trăng (Nay là thành phố C T); tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; nơi thường trú: Khóm 3, phường 2, thị xã N N , tỉnh Sóc Trăng nay là Khóm 3, phường N N , thành phố Cần Thơ; nơi ở: Ấp B P , xã L N , huyện B B , tỉnh Bình Dương nay là ấp B P , phường L N , thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Tăng Thành Lực, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1961; vợ: Trần Thị Thanh N , sinh năm 1994 và có 02 người con: Tăng Nhã U , sinh năm 2017 và Tăng Thành T , sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

2. Phan Quốc V , sinh năm 1983, tại tỉnh Cà Mau (nay là tỉnh Cà Mau); tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; nơi thường trú: Ấp L M , xã P M , huyện P T , tỉnh Cà Mau nay là xã Phú Mỹ, tỉnh Cà Mau; nơi ở: Tổ 3, khu phố 2, phường M H

, thị xã C T , tỉnh Bình Phước; nay là tổ 3, khu phố 2, phường M H , tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phan Quốc K , sinh năm 1955 và bà Đặng Thị H , sinh năm 1960; vợ: Trần Kim C , sinh năm 1984 và có 02 người con: Phan Quốc K , sinh năm 2003; Phan Quốc K , sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

3. Trần Minh T , sinh năm 1979, tại tỉnh Đồng Tháp tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; nơi thường trú: tổ 10, ấp 2, xã P M , huyện C L , tỉnh Đồng Tháp nay là tổ 10, ấp 2, xã P M , tỉnh Đ T ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn H , sinh năm 1947 và bà Lê Thị M , sinh năm 1953; vợ: Lê Thị Kiều N , sinh năm 1982; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2025 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Công ty TNHH L F (Việt Nam); địa chỉ: Lô D, đường N11, KCN M H III, phường M H , tỉnh Đồng Nai

Đại diện theo pháp luật: Ông Chen Ch P - Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tsẩn Lý C , sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tăng Thành L là nhân viên của công ty Thạnh L P , địa chỉ tại xã L N , huyện B B , tỉnh Bình Dương (ngành nghề kinh doanh là thu gom phế liệu), L được công ty T L P giao nhiệm vụ đến công ty L F Việt Nam thuộc khu công nghiệp M H III, phường M H , thị xã C T , tỉnh Bình Phước để thu gom phế liệu mang về công ty.

Quá trình làm việc Luân có quen với Trần Minh T , là công nhân của công ty L F (bộ phận băm cắt hàng). L được Tài cho 01 đôi dép về để sử dụng, Tài nói với L đây là hàng lỗi của công ty đem đi tiêu hủy. Khi L mang dép của T về sử dụng thì được nhiều người khen đẹp và nhờ Luân mua nên L nảy sinh ý định mua dép của Tài về bán kiếm tiền.

Tháng 9/2023, L liên hệ với Tài, nói T khi cắt bỏ dép thì chừa lại những đôi dép cùng size, cùng màu, còn đủ 2 chiếc thì bán lại cho Luân để L bán lấy tiền,

Tài đồng ý. Quá trình làm việc, T rủ thêm Phan Quốc V , là công nhân làm chung bộ phận với T nhưng khác ca, V đồng ý. T và V nhiều lần không cắt hết dép mang đi băm cắt mà lựa chọn ra những chiếc dép cùng màu, còn đủ 2 chiếc đạt tiêu chuẩn, có giá trị để bán cho L . Sau khi bán được dép, L sẽ đưa một phần tiền cho T , T tự chia phần của T với V . Số tiền kiếm được các bị can đã tiêu xài cá nhân. L và T thỏa thuận như sau: Tài bỏ những đôi dép trộm được vào giữa bao phế liệu rồi cột miệng bao bằng dây khác màu để đánh dấu cho L biết bên trong có dép.

Ngày 14/12/2023, Phan Quốc V đang trực ca tại bộ phận băm cắt phế liệu thì Lê Bích N , là người quản lý kho, đẩy 05 thùng carton đến nhờ bộ phận băm cắt băm thành phế liệu. Khi kiểm tra các thùng carton nói trên Việt thấy bên trong chứa dép còn nguyên vẹn, là hàng trong kho đạt tiêu chuẩn, không bị lỗi nên lấy các đôi cùng màu cùng size bỏ vào trong bao phế liệu rồi buộc bao bằng dây buộc khác màu để đánh dấu cho V biết. Đến ngày 15/12/2023, hành vi trên của Tài và V bị công ty kiểm tra phát hiện, quá trình kiểm tra các bao phế liệu nhân viên công ty L F phát hiện 130 đôi dép chưa bị cắt bỏ và đã báo Cơ quan chức năng xử lý vụ việc.(Bút lục 166-167;172-173;189-190;198-199; 213-215)

Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị tài sản theo văn bản Yêu cầu định giá tài sản số B205/YC-VPCQCSĐT-Đ3 ngày 19/5/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước là 9.947.177 đồng. (Bút lục 94-95)

Tại bản cáo trạng số 05/CTr-VKS, ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Tăng Thành Luân, Phan Quốc V , Trần Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Tăng Thành L , Phan Quốc Việt, Trần Minh T phạm tội " Trộm cắp tài sản" Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38 Điều 50, 57, 65 Bộ Luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Tăng Thành L với mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng, xử phạt bị cáo Phan Quốc Việt với mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng, xử phạt bị cáo Trần Minh T với mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám)

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai đã truy tố.

Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng của các bị cáo đã biết được lỗi và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội và tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 14/12/2023 tại Công ty L F Việt Nam thuộc Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường M H , tỉnh Đồng Nai, Tăng Thành L , Trần Minh Tài, Phan Quốc V đã cùng nhau lén lút lấy trộm 130 đôi dép của công ty L F . Kết luận định giá xác định 130 đôi dép bị chiếm đoạt có giá trị 9.947.177 đồng. Do đó, hành vi của Tăng Thành L , Trần Minh T , Phan Quốc V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 05/2025/CT – VKS ngày 14/7/2025 của VKSND Khu vực 10-Đồng Nai truy tố bị cáo Tăng Thành L , Trần Minh T , Phan Quốc V về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cái; các bị cáo là lao động chính của gia đình. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, đây là vụ án đồng phạm các bị cáo có các vai trò khác nhau, bị cáo L là người chủ miêu bàn bạc với bị cáo T để thực hành vi trộm cắp dép trong công ty L F , cũng là người trực tiếp tìm người để bán những đôi dép tìm được để bán kiếm tiền tiêu sài, bị cáo T là người trung gian không trực tiếp trộm dép nhưng bài bạc với bị cáo Việt để bị cáo Việt trực tiếp phân loại những đôi dép còn nguyên, cùng loại, cùng màu và cùng size đánh dấu dể Tài nhắn tin cho L biết chỗ lấy dép, bị cáo Việt là người trực tiếp phân loại dép đưa vào bao đánh dấu sau đó báo cho bị cáo Tài để Tài chỉ cho L đến lấy tài sản. Đối với tài sản các bị cáo phạm tội chưa chiếm đoạt được, khi V bỏ các đôi dép vào các bao để mang đi băm cắt mới bị phát hiện nhưng hành vi của các bị cáo có sự bàn bạc phân công để chiếm đoạt tài sản của người khác nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình. Do thiếu hiểu biết về quy định của công ty cho rằng những đôi dép này cũng mang ra để băm, cắt để bán phế liệu nên các bị cáo lựa những đôi dép cùng size, cùng màu đem ra ngoài cho,bán cho người khác để kiếm tiền chia nhau tiêu sài hành vị của các vị cáo đã vi phạm nội quy của công ty, vi phạm pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo phạm tôi lần đầu, ít nghiêm trọng và có chỗ ở rõ ràng nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp đủ sức răng đe đối với các bị cáo để trở thành người có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[7]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về các vấn đề khác trong vụ án: Trong vụ án này, Lê Thị Kiều N là vợ của T , việc Trần Minh T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bà N không được biết, Tài cũng không kể hay nhờ bà N giúp mình trong việc đem tài sản từ công ty về nhà nên không có cơ sở để nghị xử lý.

Đối với người phụ nữ T nhờ đi lấy hàng, T không nói là hàng gì và hiện nay Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân nên không đề nghị xử lý.

Đối với bà Lê Bích N , ngày 14/12/2023 có đẩy 05 thùng carton đến bộ phận băm cắt để bộ phận băm cắt cắt thành phế liệu, việc bà N chưa xin ý kiến của chủ quản mà tự ý dọn kho là vi phạm quy định của công ty, bà N không bàn bạc trước với các bị cáo, không được hưởng lợi gì từ việc trộm dép của các bị cáo nên không có cơ sở xử lý.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tăng Thành L , Trần Minh T , Phan Quốc V phạm tội "Trộm cắp tài sản"

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17,38, 50,57, 65 Bộ Luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tăng Thành L 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường L N , thành phố Hồ Chí Minh quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Xử phạt bị cáo Phan Quốc Việt: 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã P M , tỉnh Đồng Tháp quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1, Điều 23, Điều 26,27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 10 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- CA tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Ngọc